TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:25/2023/DS-ST
Ngày: 21/3/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ H

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Võ Thị Xuân Đào
2/ Bà Phan Thị Hồng Hoa
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị N Linh – Thư ký Toà án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị T Hà -Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân QUẬN S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 204/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-DS ngày 03/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1971
Địa chỉ: số X Tầng X căn số X đường N, Phường H, QUẬN S, THÀNH PHỐ H.
Có ông Lê Trọng K - đại diện theo ủy quyền (có đơn xin vắng mặt)
- *Bị đơn:*
1. Ông Võ Duy T, sinh năm 1982 (vắng mặt)
2. Bà Phan Kim N, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Cùng HKTT: X đường B, Phường T, QUẬN S, THÀNH PHỐ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết bà Hoàng Thị M có cho vợ chồng ông Võ Duy T và Phan Kim N vay tiền 03 lần, cụ thể:

Ngày 03/01/2021 ông T bà N vay 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng, không có thỏa thuận lãi suất. Vợ chồng ông T, bà N khi nhận đủ tiền có viết tay "Giấy mượn tiền" và hứa sẽ hoàn trả lại cho bà M vào ngày 03/04/2021.

Ngày 09/02/2021 bà M cho ông T, bà N vay thêm 150.000.000 đồng, ông T, bà N có viết tay "Giấy mượn nợ thêm" không thỏa thuận thời gian trả và đưa cho bà M giữ 2

(hai) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (cà vẹt) có số 098556 và giấy số 429794, tất cả đều đứng tên chủ phương tiện là ông Võ Duy T, để làm tin. Vợ chồng ông T, bà N có hứa hẹn bằng miệng với bà M vào ngày 03/04/2021 sẽ hoàn trả lại chung với số tiền đã vay mượn lần 1.

Ngày 25/02/2021 bà M tiếp tục cho ông T, bà N vay 500.000.000 đồng có lập hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản tại Phòng công chứng số 7, thời hạn vay là 02 năm, có thế chấp 02 chiếc xe ô tô có tải trọng 1800kg (một ngàn tám trăm kilogam) biển số đăng ký 51D-157.94, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 291763 do Phòng cảnh sát giao thông thuộc Công an THÀNH PHỐ H cấp ngày 26/07/2017 và xe ô tô có tải trọng 500kg (năm trăm kilogam) biển số đăng ký 51D-447.52, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 429794 do Phòng cảnh sát giao thông thuộc Công an THÀNH PHỐ H cấp ngày 15/12/2018. Sau khi ký hợp đồng bà M đã giao tiền nhưng bị đơn không giao xe cũng như giấy tờ xe trong hợp đồng vay tiền. Các bên cũng không tiến hành đăng ký giao dịch có bảo đảm tài sản thế chấp theo quy định, tất cả 3 lần vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Từ ngày 01/3/2021 bà M liên lạc nhiều lần với ông T và bà N nhưng không gặp được. Ngày 10/10/2022 bà Hoàng Thị M có gửi "*Thông báo yêu cầu về việc trả toàn bộ số nợ"* cho vợ chồng ông T, bà N để yêu cầu việc trả nợ. Nhưng vẫn không nhận được bất cứ phản hồi nào nên buộc lòng bà M phải khởi kiện để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

Do đó bà M khởi kiện buộc ông Võ Duy T và bà Phan Kim N phải hoàn trả cho bà số tiền nợ gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và lãi suất chậm trả đối với khoản vay 150.000.000 đồng ngày 03/01/2021, do đã quá thời hạn trả nợ nên bà M yêu cầu vợ chồng ông Võ Duy T và bà Phan Kim N phải trả tiền lãi chậm trả phát sinh tạm tính từ ngày 04/04/2021 đến 21/03/2023 (tương đương 23 tháng 17 ngày), theo lãi suất chậm trả là 1%/tháng với số tiền tạm tính là 150.000.000 đồng x 1%/ tháng x (23 tháng 17 ngày) = 35.350.000 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/3/2023 là: 835.350.000 đồng (Tám trăm ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật,

Bị đơn ông Võ Duy T và bà Phan Kim N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ, ông T và bà N cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn - ông Võ Duy T và bà Phan Kim N vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn ông Võ Duy T và bà Phan Kim N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng theo quy định pháp luật. Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]-Thẩm quyền loại việc:

Bà Hoàng Thị M khởi kiện ông Võ Duy T và bà Phan Kim N yêu cầu T toán tiền vay. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp dân sự: "Hợp đồng dân sự vay tài sản".

[2]-Thẩm quyền lãnh thổ:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị M có đơn khởi kiện ông Võ Duy T và bà Phan Kim N, ông T và bà N có nơi cư trú cuối cùng tại X đường B, Phường T, QUẬN S, THÀNH PHỐ H. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN S.

[3]-Thời hiệu khởi kiện vụ án:

Căn cứ vào thời điểm bà Hoàng Thị M không liên lạc được với ông Võ Duy T và bà Phan Kim N vào tháng 3/2021. Ngày 10/10/2022, bà M có gửi thông báo cho vợ chồng ông T, bà N về việc yêu cầu trả toàn bộ số nợ nhưng vẫn không nhận được phản hồi. Ngày 27/10/2022, bà M có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân QUẬN S. Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 nên việc khởi kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung:

[4]- Căn cứ các giấy vay tiền ngày 03/01/2021, ngày 09/02/2021 và hợp đồng vay tiền ngày 25/02/2021 bà Hoàng Thị M có cho ông Võ Duy T và bà Phan Kim N vay tổng số tiền 800.000.000 đồng, khi đến ngày hẹn trả nợ vào tháng 04/2021 bà M đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà N trả nợ nhưng bị đơn né tránh và sau đó bà M không liên lạc được với ông T và bà N. Nay bà M khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải trả ngay một lần số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng. Đây là vấn đề cần xem xét.

Trong giấy vay tiền ngày 03/01/2021 hai có thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, giấy vay tiền ngày 09/02/2021 không thỏa thuận thời hạn vay nhưng ông T và bà N có nói miệng là sẽ trả cùng với số tiền vay ngày 03/01/2021 (sẽ trả vào ngày 03/4/2021), hợp đồng ngày 25/02/2021 hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 năm. Các lần vay hai bên không thỏa thuận lãi suất. Do từ tháng 3/2021 bà M đã không liên lạc được với ông T và bà N để tiến hành việc bàn giao 02 chiếc xe ô tô và giấy tờ xe theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản nên mặc dù hợp đồng vay tiền ngày 25/02/2021 chưa đến thời hạn trả nợ bà vẫn khởi kiện theo quy định do bị đơn vi phạm thỏa thuận.

Về tiền lãi: bà M yêu cầu ông T và bà N trả lãi chậm trả đối với số tiền vay 150.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 03/01/2021 lý do thời hạn vay là 03 tháng đến ngày 03/4/2021 ông T và bà N phải trả nhưng đến nay bị đơn vẫn không trả, lãi suất 1%/tháng tạm tính từ ngày 04/4/2021 đến ngày 21/3/2023 là 23 tháng 17 ngày x 1%/tháng x 150.000.000 đồng = 35.350.000 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Những sự kiện này, phía bị đơn không phản đối và không chứng M nên phải chịu hậu quả của việc không chứng M và không phản đối này theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao dịch giữa các bên là có thật

và hợp pháp, số nợ đã lâu, bị đơn không có thiện chí trả nợ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền nợ gốc và tiền lãi đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Duy T và bà Phan Kim N có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị M số tiền nợ gốc là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và tiền lãi đối với số tiền vay 150.000.000 đồng ngày 03/01/2021, tạm tính từ ngày 04/4/2021 đến ngày 21/3/2023 là 23 tháng 17 ngày x 1%/tháng x 150.000.000 đồng = 35.350.000 đồng (Ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) trả ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về việc hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản ngày 25/02/2021 do các bên chỉ ghi nhận trong hợp đồng mà không tiến hành đăng ký giao dịch có bảo đảm tài sản thế chấp theo quy định và trên thực tế ông T và bà N cũng không bàn giao xe và giấy tờ xe cho bà M như thỏa thuận mặc dù bà M đã nhiều lần liên hệ với ông T và bà N nhưng không gặp. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Duy T và bà Phan Kim N phải chịu 37.060.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Hoàng Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc buộc ông Võ Duy T và bà Phan Kim N có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị M số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và 35.350.000 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 21/3/2023 đối với số tiền vay 150.000.000 đồng vào ngày 03/01/2021.

Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/3/2023 là: 835.350.000 đồng (Tám trăm ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật,

2/ Kể từ ngày bà Hoàng Thị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Duy T và bà Phan Kim N chưa thi hành trả số nợ nêu trên thì hàng tháng ông Võ Duy T và bà Phan Kim N còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Duy T và bà Phan Kim N phải chịu 37.060.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Hoàng Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.405.000 đồng theo biên lai số 0012701 ngày

11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN S.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án NDTPHCM;
-VKSND QS;
-Chi cục THA DS QS;
-Các đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thu